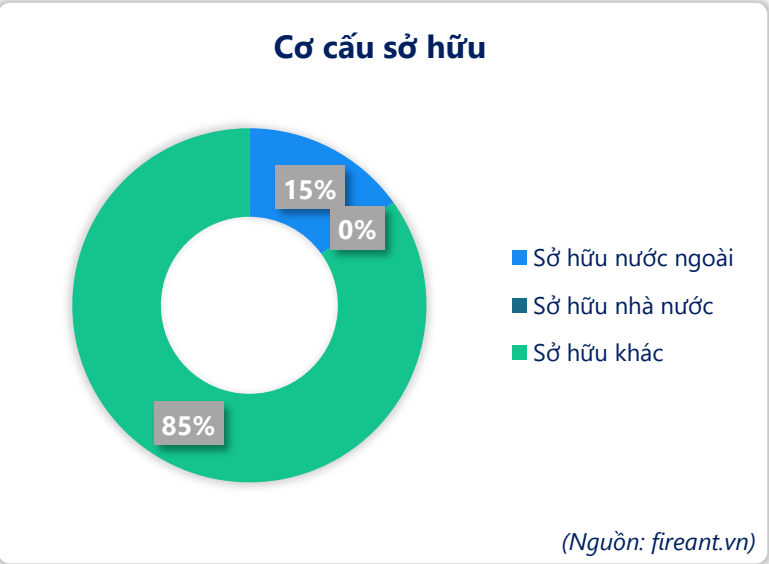
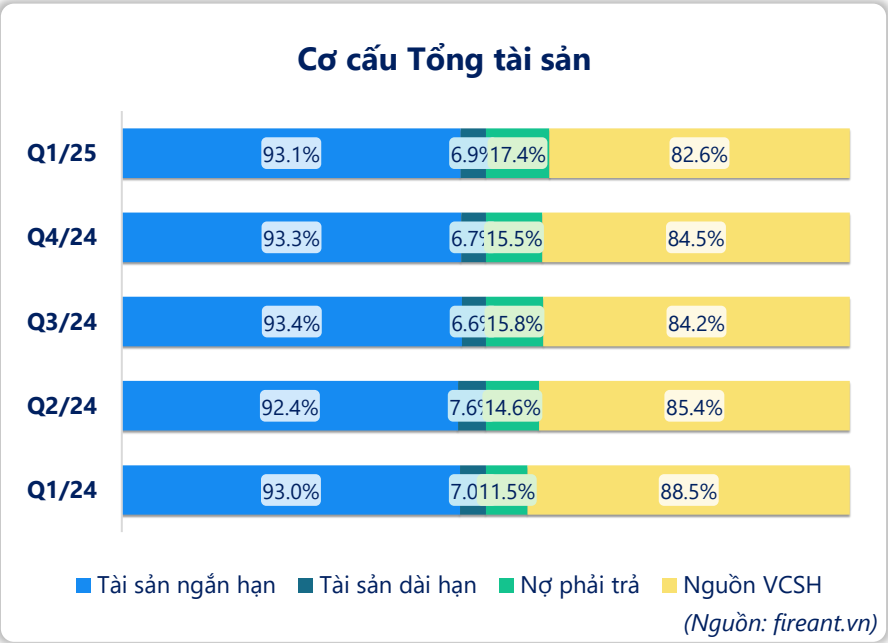
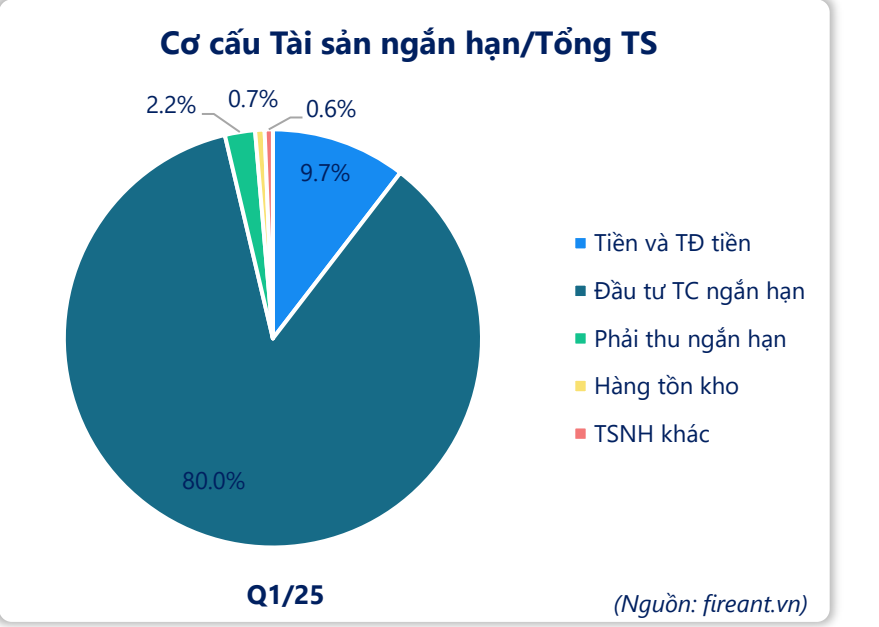
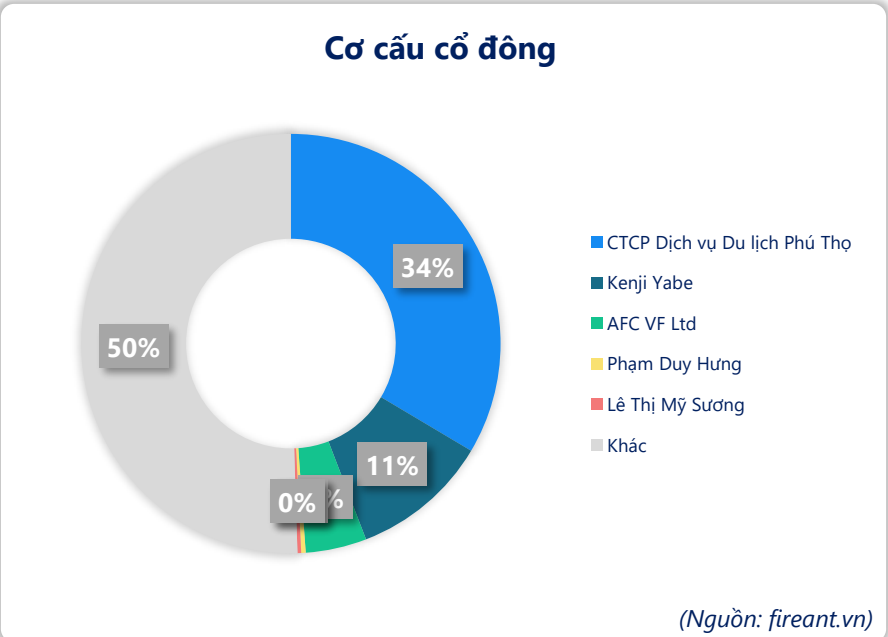
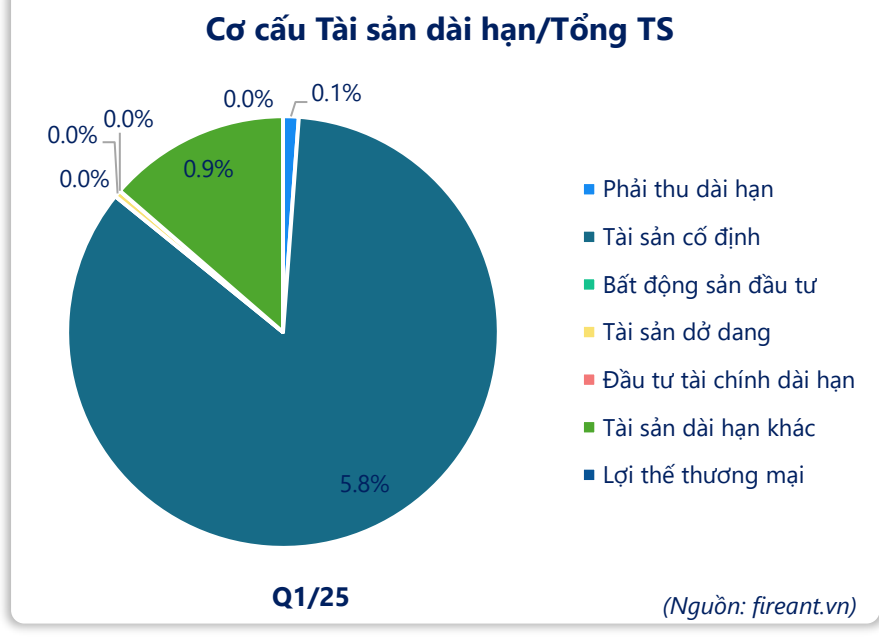
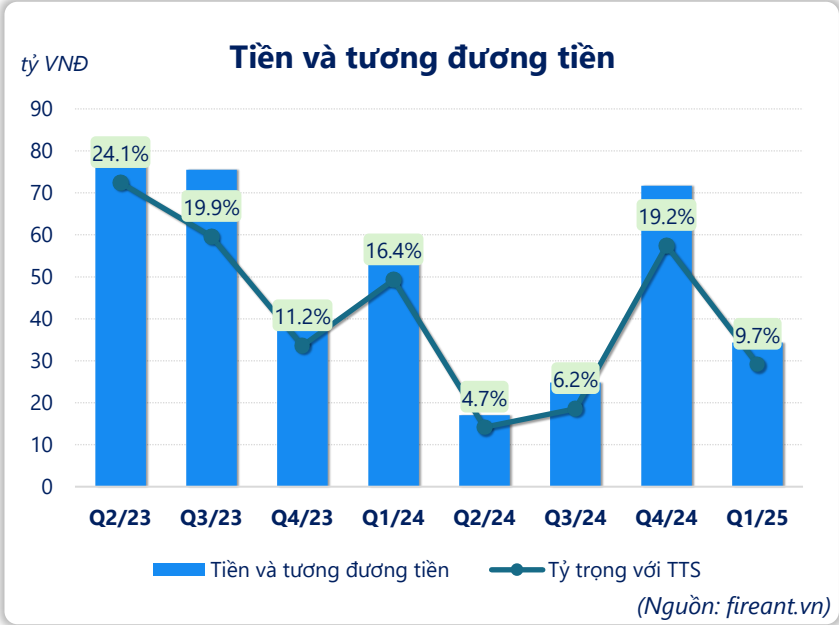
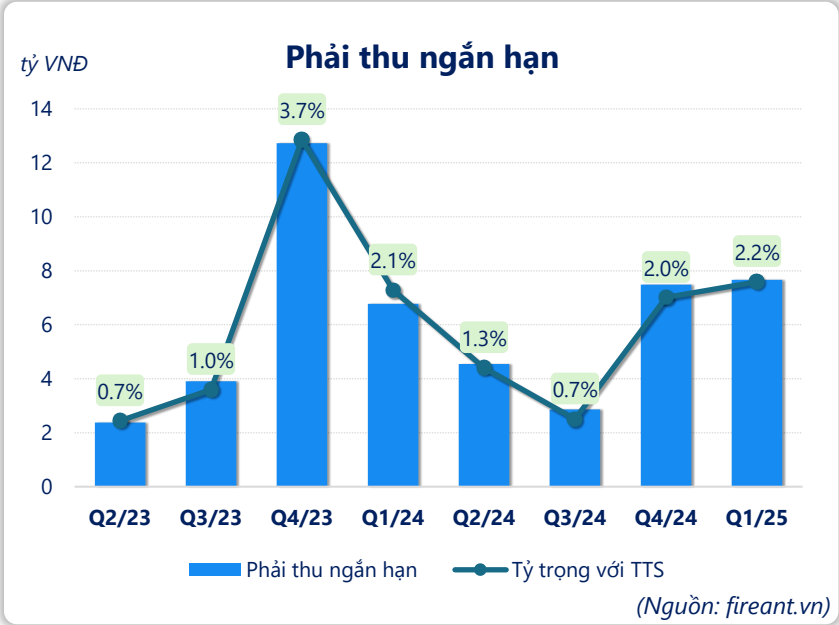
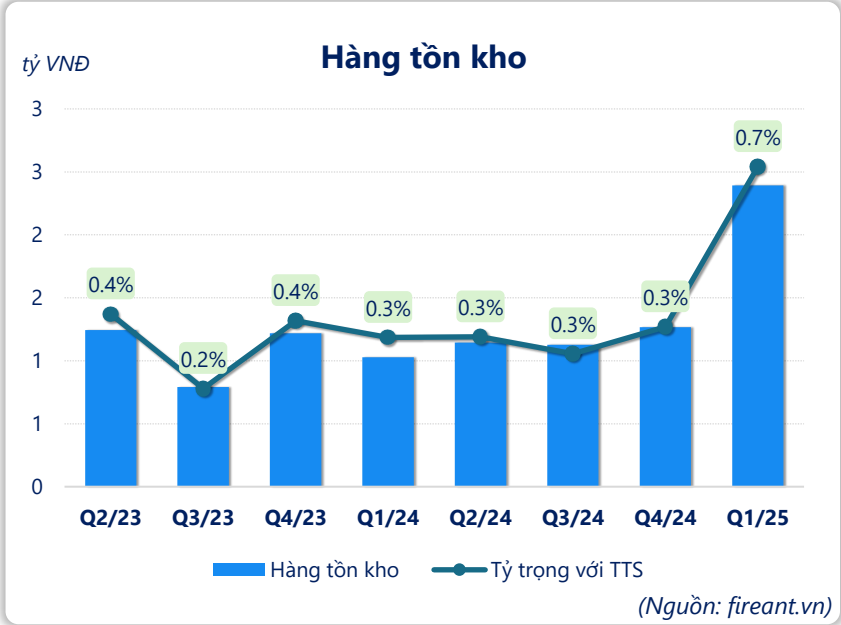
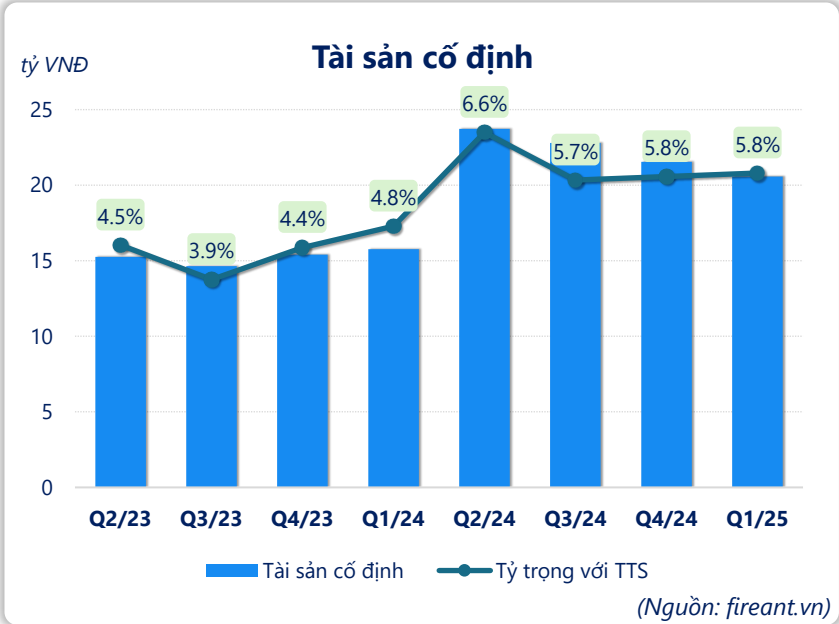
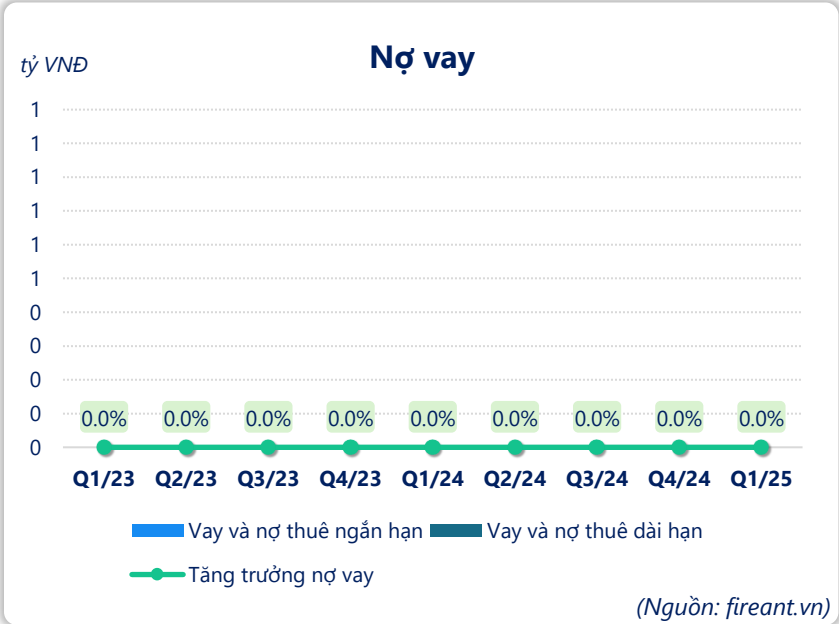
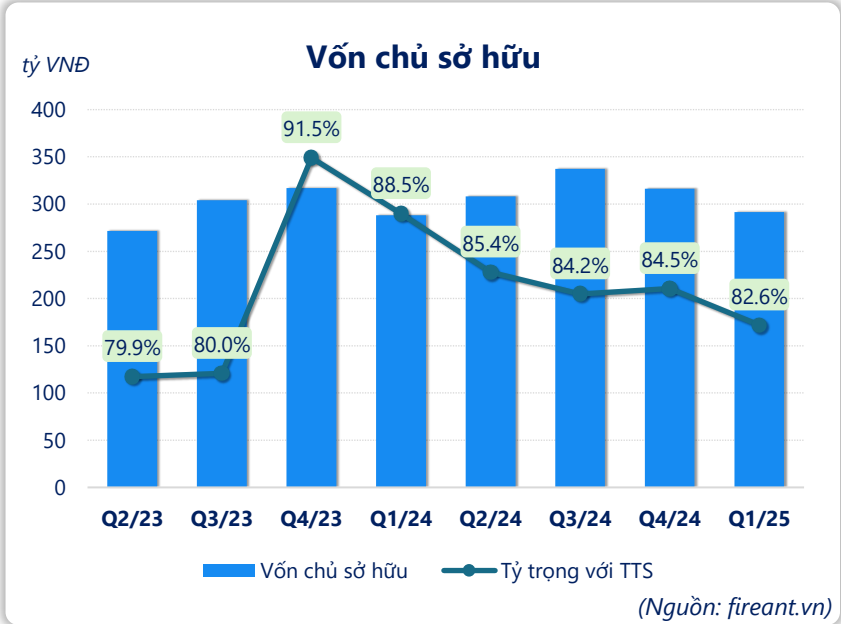
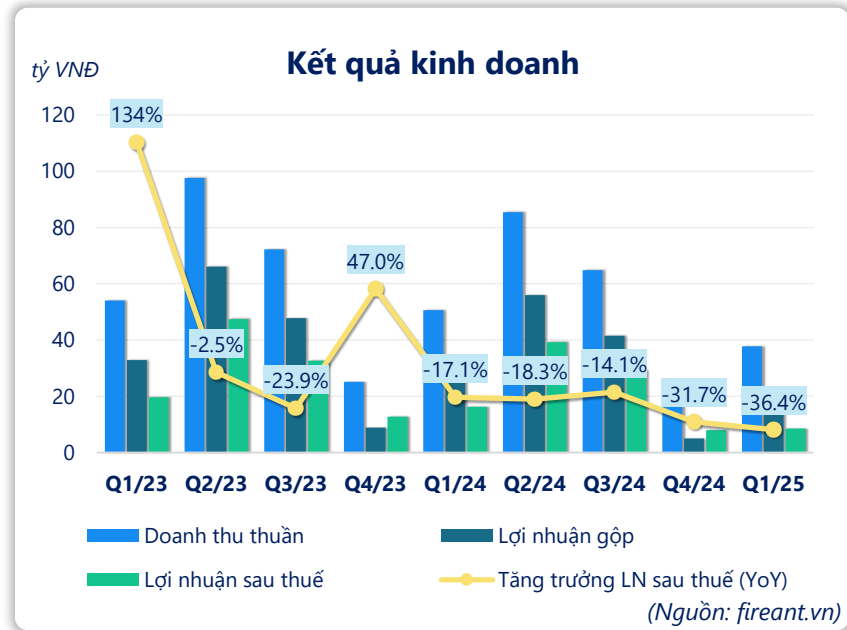
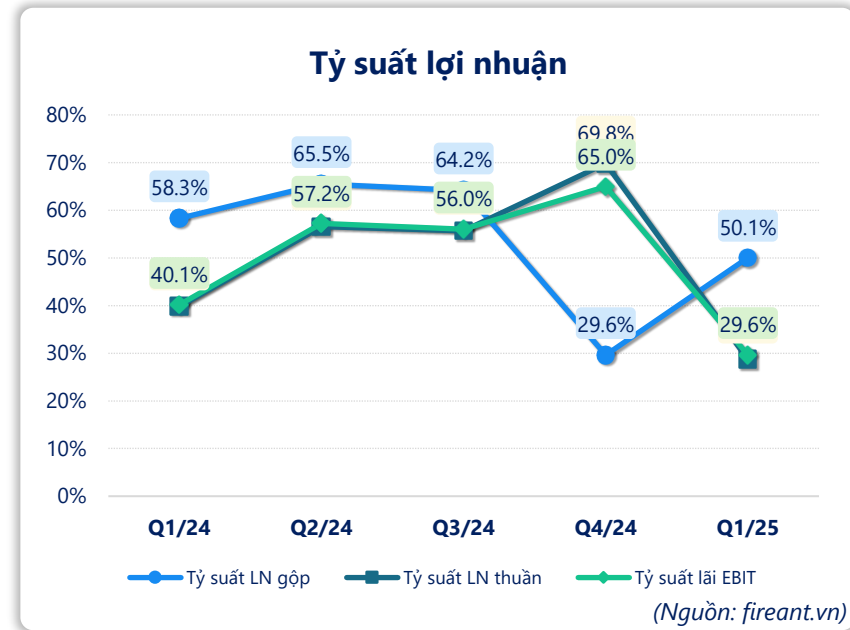
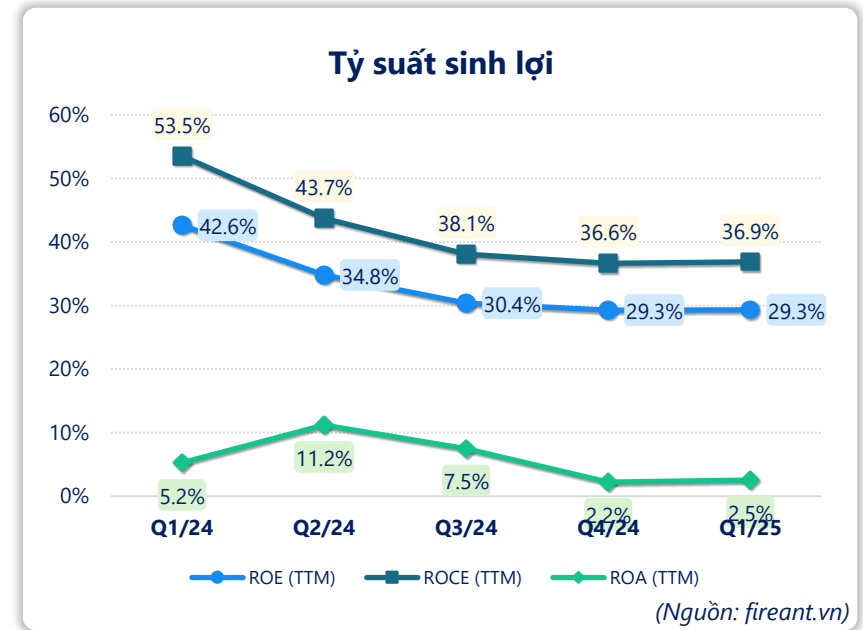
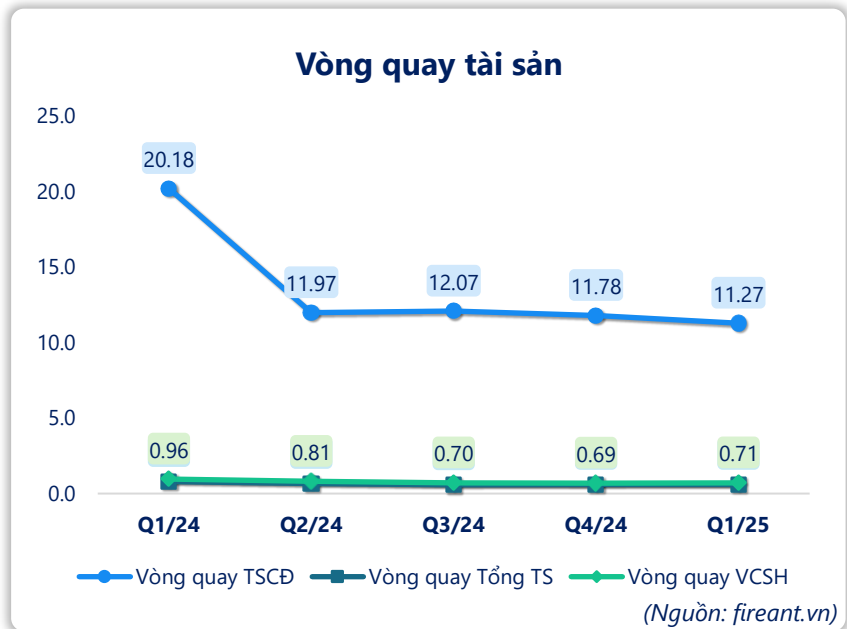
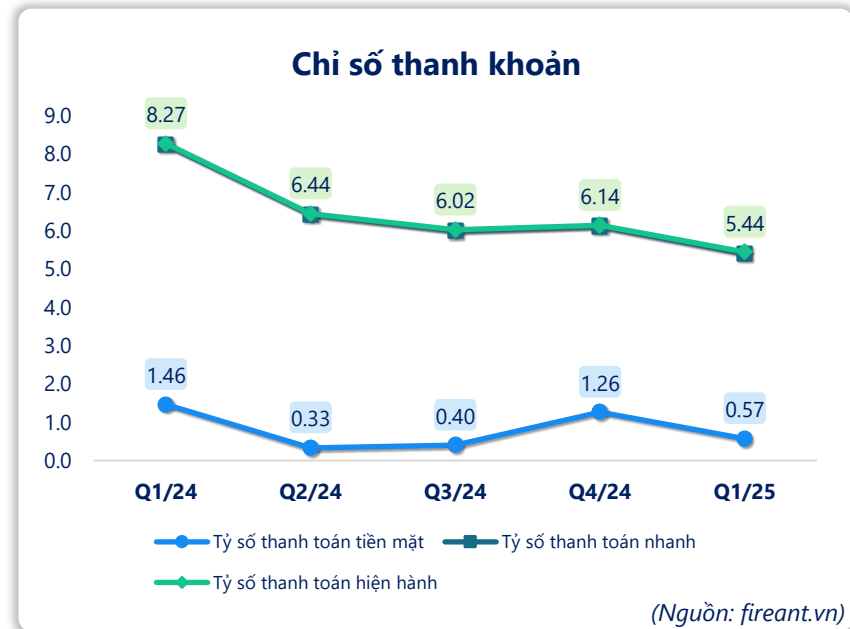
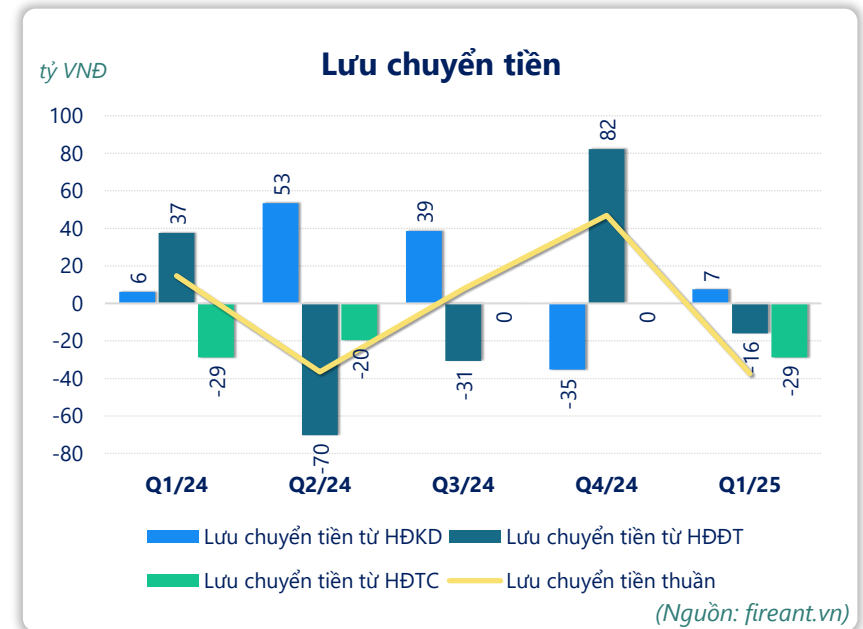


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		50,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		54,194
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		49,925
SL cổ phiếu LH		12,083,009
KLGD BQ 20 phiên (CP)		13,920
% sở hữu nước ngoài		15.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		607
P/E		7.1
EPS		7,038

	YTD	1T	3T	6T
DSN	-3.6%	-0.2%	-4.1%	-2.9%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	353	374	-5.7%
Tài sản ngắn hạn	329	349	-5.8%
Tiền và tương đương tiền	34.3	71.7	-52.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	282	267	5.8%
Phải thu ngắn hạn	7.67	7.49	2.3%
Hàng tồn kho	2.39	1.27	88.9%
Tài sản ngắn hạn khác	2.09	1.85	12.8%
Tài sản dài hạn	24.3	25.2	-3.7%
Phải thu dài hạn	0.29	0.29	0.0%
Tài sản cố định	20.6	21.5	-4.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.13	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	3.31	3.39	-2.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	61.4	57.9	6.1%
Nợ ngắn hạn	60.4	56.8	6.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.86	0.75	281%
Nợ dài hạn	1.06	1.06	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	292	316	-7.8%
Vốn chủ sở hữu	292	316	-7.8%
Vốn điều lệ	121	121	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	50.7	85.4	64.8	16.8	37.8
Giá vốn hàng bán	21.1	29.5	23.2	11.8	18.9
Lợi nhuận gộp	29.5	55.9	41.6	4.99	18.9
Doanh thu HĐTC	0.43	2.44	3.99	10.9	0.33
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	4.49	3.65	3.92	1.58	3.77
Chi phí QLDN	5.31	6.39	5.55	2.55	4.63
LN thuần từ HĐKD	20.2	48.3	36.1	11.8	10.8
Lợi nhuận khác	0.16	0.52	0.19	-0.82	0.36
LN trước thuế	20.3	48.8	36.3	10.9	11.2
Lợi nhuận sau thuế	16.2	39.2	29.2	7.98	8.58
LNST của CĐ cty mẹ	16.2	39.2	29.2	8.00	8.60

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	6.11	53.3	38.5	-35.4	7.48
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	37.5	-70.2	-30.7	82.2	-16.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-28.9	-19.6	-0.06	-0.01	-28.7
Tiền đầu kỳ	38.8	53.5	17.0	24.8	71.7
Lưu chuyển tiền thuần	14.7	-36.4	7.76	46.9	-37.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	53.5	17.0	24.8	71.7	34.3

(Nguồn: fireant.vn)